

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản  
tại vùng ven bờ và vùng lòng tỉnh Thanh Hóa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21/11/2017, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;*

*Căn cứ Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;*

*Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ “Điều tra, đánh giá nguồn lợi và môi trường sống của loài thủy sản tại vùng ven bờ và vùng lòng tỉnh Thanh Hóa”;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 495/TTr-SNNMT ngày 07/4/2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản tại vùng ven bờ và vùng lòng tỉnh Thanh Hóa, với số lượng 1.899 giấy phép, trong đó:

1. Hạn ngạch giấy phép khai thác vùng ven bờ là 1.142 giấy phép, gồm: Giấy phép cho tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản là 1.040 giấy phép, giấy phép cho tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản là 102 giấy phép.

2. Hạn ngạch giấy phép khai thác vùng lòng là 757 giấy phép, gồm: Giấy phép cho tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản là 732 giấy phép, giấy phép cho tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản là 25 giấy phép.

3. Lý do điều chỉnh: Để phù hợp với kết quả “Điều tra, đánh giá nguồn lợi và môi trường sống của loài thủy sản tại vùng ven bờ và vùng lòng tỉnh Thanh Hóa” công bố tại Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh.

*(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai, thực hiện:

1. Căn cứ hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản tại Điều 1 Quyết định này, thực hiện cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá, cấp giấy phép khai thác thủy sản theo đúng quy định.

2. Được chủ động chuyển đổi hạn ngạch giấy phép khai thác giữa các nghề hoạt động trong vùng ven bờ hoặc vùng lòng trong tổng số hạn ngạch đã được công bố đối với các nghề thân thiện với môi trường. Riêng hạn ngạch giấy phép thủy sản nghề lưới kéo chỉ được phép điều chỉnh giảm, đồng thời, tăng tương ứng hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản đối với các nghề thân thiện với môi trường trong tổng số hạn ngạch đã được công bố.

**Điều 3.** Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định của UBND tỉnh: Số 4117/QĐ-UBND ngày 15/10/2024, số 5032/QĐ-UBND ngày 19/12/2024, số 2808/QĐ-UBND ngày 19/8/2025.

2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Cao Văn Cường**

**Phụ lục**  
**CÔNG BỐ HẠNG NGẠCH GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN TẠI VÙNG VEN BỜ**  
**VÀ VÙNG LỘNG TỈNH THANH HÓA**

*(kèm theo Quyết định số        /QĐ-UBND ngày        /        /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

| TT | Vùng biển   | Tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản |                         |                     |                    |             |                      |                     |                    |         | Tàu hậu cần<br>đánh bắt<br>nguồn lợi<br>thủy sản | Tổng  |
|----|-------------|---------------------------------|-------------------------|---------------------|--------------------|-------------|----------------------|---------------------|--------------------|---------|--------------------------------------------------|-------|
|    |             | Nghề<br>lưới<br>kéo             | Nghề<br>lưới kéo<br>moi | Nghề<br>lưới<br>vây | Nghề<br>lưới<br>rê | Nghề<br>câu | Nghề<br>lưới<br>chụp | Nghề<br>lồng<br>bẫy | Nghề<br>pha<br>xúc | Nghề te |                                                  |       |
| 1  | Vùng ven bờ | 0                               | 503                     | 18                  | 176                | 95          | 0                    | 248                 | 0                  | 0       | 102                                              | 1.142 |
| 2  | Vùng lòng   | 135                             | 0                       | 10                  | 164                | 176         | 26                   | 160                 | 41                 | 20      | 25                                               | 757   |
|    | Tổng        | 135                             | 503                     | 28                  | 340                | 271         | 26                   | 408                 | 41                 | 20      | 127                                              | 1.899 |